TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 601/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa anh L với chị N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 329/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Số 01, tổ 01, ấp Long An, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lương Thị Yến N, sinh năm 1992, địa chỉ cư trú: Số 01, tổ 01, ấp Long An, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Lê Văn L trình bày:

1. Về hôn nhân: Vợ chồng anh chị cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô vào ngày 04/12/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 136, quyển số 01/2015. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến ngày 20/9/2018 chị N nói với anh là không còn yêu anh nữa, muốn chấm dứt hôn nhân và đã bỏ nhà ra đi từ đó đến nay để lại 02 con cho anh nuôi dưỡng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Bảo Duy, sinh ngày 15/3/2016 và Lê Bảo Khánh, sinh ngày 26/12/2017, hiện 02 cháu đang sống chung với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 cháu và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không phản hồi ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh L trình bày vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị N, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh L được ly hôn với chị N. Xét yêu cầu của anh L và điều kiện chăm sóc cháu Duy và cháu Khánh, đề nghị giao các cháu cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân của anh L; Bản sao giấy khai sinh cháu Duy, cháu Khánh; Giấy chứng nhận kết hôn; Đơn xin xác nhận; Đơn ly hôn; Biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, nuôi con chung bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn chị Lương Thị Yến N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan và không có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh L và chị N đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô vào ngày 04/12/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 136, quyển số 01/2015. Do đó, hôn nhân giữa anh L và chị N là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân. Anh L yêu cầu ly hôn với chị N, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Chị N không phản hồi ý kiến.

Xét quan hệ hôn nhân: Anh L và chị N thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên đã sống ly thân từ ngày 20/9/2018 cho đến nay. Thời gian ly thân là thời gian để các bên tự cảm nhận lại tình cảm của nhau, nhưng anh chị vẫn không cảm nhận được tình cảm, không tự hàn gắn được quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay chị N vắng mặt không lý do, cho thấy chị N không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng, để mặc cho anh L tự giải quyết. Qua đó, thể hiện anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương lẫn nhau, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh L yêu cầu giải quyết cho ly hôn với chị N là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Bảo Duy, sinh ngày 15/3/2016 và Lê Bảo Khánh, sinh ngày 26/12/2017, hiện các cháu do anh L chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Từ khi anh L và chị N ly thân với nhau cho đến nay cháu Duy và cháu Khánh do anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không cùng anh L chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu của anh L, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các cháu, tạo điều kiện cho các cháu được ổn định về tâm lý, chỗ ở, sinh sống, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Duy, cháu Khánh cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không có yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Về án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lê Văn L ly hôn với chị Lương Thị Yến N.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 136, quyển số 01/2015, ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Anh L và chị N có 02 con chung tên Lê Bảo Duy, sinh ngày 15/3/2016 và Lê Bảo Khánh, sinh ngày 26/12/2017.

- Giao con chung tên Lê Bảo Duy, sinh ngày 15/3/2016 và Lê Bảo Khánh, sinh ngày 26/12/2017 cho anh Lê Văn L trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Lương Thị Yến N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Anh Lê Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0001091 ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Ô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chào **Huỳnh Văn Hùng** **Lê Thị Hồng Thi**